

Tóm Lược của Ban Quản Trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Nhà Trường, 2008-2009 Được Công Bố cho Niên Học 2009-10

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Nhà Trường (SARC) (bắt buộc phải công bố hàng năm theo qui định luật pháp), bao gồm các thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về các qui định SARC trên Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, DataQuest là một hệ thống năng động lập các bản báo cáo về trách nhiệm giải trình (thí dụ, Chỉ Số Kết Quả Học Tập [API]), Sự Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu [AYP], dữ liệu về kỳ thi, ghi danh, tốt nghiệp, bỏ học, ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về những người học tiếng Anh.

Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các giới hạn khác về sử dụng bao gồm giờ giấc hoạt động, khoảng thời gian có thể sử dụng máy điện toán (tùy theo sự sẵn có), các loại chương trình nhu liệu hiện có tại máy điện toán, và khả năng in ấn các tài liệu.

II. Về Trường Đây

Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp địa chỉ liên lạc của trường.

Trường		Khu Học Chánh	
Tên Trường	Yerba Buena High	Tên Khu Học Chánh	East Side Union High
Đường Phố	1855 Lucretia Ave.	Số Điện Thoại	408-347-5000
Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip Code	San Jose , CA 95122-3730	Trang Web	www.esuhsd.org
Số Điện Thoại	408-347-4700	Giám Đốc Học Khu	Dan Moser
Hiệu Trường	Juan Cruz	Địa Chỉ Thư Điện Tử	moserd@esuhsd.org
Địa Chỉ Thư Điện Tử	cruzjuan@esuhsd.org	CDS Code	43- 69427- 4330015

Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2008-09)

Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2008-09)

Trường Trung Học Yerba Buena tiếp tục nỗ lực công hiến cho mọi học sinh một nền giáo dục có phẩm chất. Tuy nhà trường không đạt chỉ tiêu về hạng điểm Chỉ Số Học Lực (API) nhưng cũng rất phấn khởi là đã đạt được 18 trên 22 tiêu chuẩn liên bang về hạng điểm Tiến Bộ Thoả Đáng Hằng Năm (AYP). Chúng tôi sử dụng những chương trình can thiệp khác nhau để giúp học sinh luyện Anh Văn và Toán với hy vọng rằng không những các em được điểm cao hơn trong các kỳ thi tiêu chuẩn mà còn tiến bộ về học lực, nói chung. Toàn thể ban giảng huấn sát cánh bên nhau để giúp đỡ quý phụ huynh và toàn thể cộng đồng Yerba Buena để bảo đảm mọi thành quả cho tất cả con em chúng ta.

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2008-09)

Cộng đồng học tập Yerba Buena nhờ phụ huynh gắn bó, giúp đỡ mà thiết lập được nề nếp làm việc với kỳ vọng phát triển quan hệ giữa con người với nhau với mỗi chú tâm vào tập thể học sinh chúng ta. Suốt năm học, nhà trường đã có năm buổi họp tổng quát với quý phụ huynh mà trọng tâm là gia đình và trường sở. Ngoài ra, chúng tôi cũng tuyển mộ phụ huynh tham dự Hội Đồng Nhà Trường, Ban Cố Vấn Các Học Sinh Thuộc Diện Trau Dồi Anh Ngữ, và Ban Cố Vấn Học Khu/Ban Cố Vấn về Các Học Sinh Trau Dồi Anh Ngữ. Ngoài các buổi họp, nhà trường còn cố gắng tổ chức những buổi gặp gỡ giao tế giữa các phụ huynh để quý vị có thể cộng tác và giúp đỡ nhau.

Muốn biết thêm thông tin về việc tham dự việc trường Yerba Buena, xin quý vị gọi số điện thoại chính của nhà trường là (408) 347-4700.

Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo	0
Lớp 1	0
Lớp 2	0
Lớp 3	0
Lớp 4	0
Lớp 5	0
Lớp 6	0
Lớp 7	0
Lớp 8	0
Tiểu Học Không Phân Lớp	0
Lớp 9	368
Lớp 10	430

Lớp 11	425
Lớp 12	373
Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	0
Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia	1596

Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Mỹ gốc Phi Châu	2.32 %
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	0.25 %
Người Á châu	29.45 %
Người Phi luật tân	6.77 %
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	57.77 %
Người đảo Thái bình dương	0.75 %
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	2.51 %
Nhiều Câu Trả Lời hoặc Không Trả LỜI	0.19 %
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	65.00 %
Những Người Học Tiếng Anh	35.00 %
Học Sinh Khuyết Tật	10.00 %

Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bò Số Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2006-07				2007-08				2008-09			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	25.0	28	49	1	24.9	25	52	5	23.7	28	56	
Toán	26.7	14	40	7	26.3	13	50	3	24.4	25	48	4
Khoa Học	29.0		41	9	27.7	8	35	5	26.7	9	31	3
Khoa Học Xã Hội	29.2		45	6	28.7	3	40	8	28.4	5	38	3

III. Môi Trường Nhà Trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Ban An Toàn Trường Sở của Trường Trung Học Yerba Buena đã phát thảo kế hoạch an toàn và theo dõi việc thi hành kế hoạch này. Kế hoạch này bao gồm mọi thứ, từ ngăn ngừa bạo lực cho đến chuẩn bị chống động đất. Kế hoạch an toàn được cập nhật và duyệt xét hằng năm. Ban An Toàn của Phụ Huynh và Cộng

Đồng ở cấp độ học khu là nhân tố quan trọng chi phối kế hoạch này. Mọi thông tin đều được phổ biến tại các buổi họp và góp phần vào việc cập nhật các vấn đề an toàn ở mỗi trường.

Đình Chỉ Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường hợp chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Đình Chỉ Học Tập	16.2	53.7	11.2	21.7	30.0	16.9
Đuổi Học	0.7	0.2	0.1	0.4	0.1	0.1

IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2009-10)

Khái quát

Học khu nỗ lực bảo đảm là các trường đều sạch sẽ, an toàn, và làm việc đúng mức. Để thực hiện những điều này, học khu áp dụng chính sách thăm dò các cơ sở vật chất mà Phòng Xây Dựng Các Trường Công Lập Tiểu Bang California đề ra. Văn phòng nhà trường và văn phòng học khu luôn có sẵn những kết quả thăm dò này.

Tiến Trình và Lịch Trình Làm Sạch Nhà Trường

Hội Đồng Quản Trị Học Khu đã chấp thuận các tiêu chuẩn làm sạch sẽ mọi trường trong học khu. Ban lãnh đạo ngày ngày sát cánh với ban tạp dịch để hoạch định giờ giấc lau chùi dọn dẹp để trường sở lúc nào cũng sạch sẽ và an toàn.

Ngân Sách Bảo Toàn Trả Chậm

Học khu tham dự Chương Trình Bảo Toàn với Ngân Sách Trả Chậm của Tiểu Bang. Ngân sách này cung ứng những tài khoản chi trả thích đáng từng đồng một để giúp các học khu chi trả những mục sửa chữa lớn hoặc thay thế những bộ phận nhà cửa hiện thời. Điển hình là làm mái, ống nước, các hệ thống nhiệt, điện, lạnh, sơn trong, ngoài và thay thảm mới.

Trường, Lớp Cũ Kỹ

Trường Trung Học Yerba Buena đã qua năm giảng dạy thứ 37. Toàn trường hiện đang được sửa mới bằng cách ngân quỹ thuộc Sắc Luật G. Việc xây mới các lớp học ở khu khoa học (toà nhà 600), khu toán (toà nhà 200), và khu khoa học xã hội (toà nhà 300) đã được hoàn tất với 49 phòng học xây mới. Các máy điện toán trong lớp đã được thay thế hoặc nâng cấp để hoạt động được với những tính năng mới, phụ trách việc điem danh, truy cập các nguồn thông tin điện tử và gửi điện thư cho giáo sư. Sân vận động nhà trường đã xây mới xong, bao gồm sân điền kinh ngoài trời và những khán đài bình dân mới. Mặt tiền nhà trường được xây mới, thêm chỗ đậu xe cho khách khứa.

Các Dự Án Bảo Trì

Cây cối đã được tỉa rất nhiều trong mùa hè năm 2007. Cây mọc trùm lum là hiểm họa đối với sự an toàn trong thời tiết mùa đông. Một số cây (bệnh tật) đã được nhổ bỏ. Đồng thời, vào mùa hè mái toà nhà 700 đã được thay mới.

Các Dự Án Xây Mới

Dự án xây mới toà nhà 700 và phòng chứa đồ học sinh trong khu thể dục sẽ bắt đầu vào niên khoá 2010-2011.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Những mục đã thanh tra	Tình trạng Sửa Chữa			Cần sửa, đã sửa, hoặc dự tính sửa
	Tốt	Tạm được	Xấu	
Xi ga	x			
Các hệ thống cơ khí	x			
Cửa sổ/cửa ra vào/cổng (bên trong và bên ngoài)	80%		20%	Nhà thể dục nhỏ cần nhiều cửa sổ và cửa ra vào mới. Sẽ thực hiện việc này khi có ngân quỹ.
Bề mặt bên trong phòng (tường, nền nhà, và trần nhà)	80%	10%	10%	Cần thay thảm. Sẽ thực hiện việc này khi có ngân quỹ.
Vật liệu dễ gây hiểm họa (bên trong và bên ngoài)	x			
Hư hại về cấu trúc	x			Các xà nhà cần sửa hoặc thay mới. Sẽ thực hiện việc này khi có ngân quỹ.
An toàn phòng hỏa	x			
Điện (bên trong và bên ngoài)		x		Tổng đài chính được sửa chữa vào tháng 12 năm 2007. Năm 2011 sẽ phải sửa lại.
Chuột bọ		x		
Máy nước uống (bên trong và bên ngoài)		x		Mỗi năm các máy nước uống đều phải tu sửa từ 3-4 lần.
Phòng vệ sinh	x			Các phòng vệ sinh có những chỗ cần thay mới. Một nhà vệ sinh sẽ thay xong vào tháng 2 năm 2010. Sẽ thực hiện tiếp khi có ngân quỹ.
Cổng rãnh	x			
Sân chơi/Sân trường	x			Sân Quần Vợt phải tráng nhựa lại vào mùa hè năm 2008.
Những mục khác	x			
Đánh giá chung	x			

V. Giáo Viên

Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bằng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2006-07	2007-08	2008-09	2008-09
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	72	76	77	1089
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	7	7	6	149
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	0	0	0	không áp dụng

Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép.

Yếu Tố Chỉ Báo	2007-08	2008-09	2009-10
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	0	6	0
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	0	6	0
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	4	0	0

Các Lớp Học Chính Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind) Giảng Dạy (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về số phần trăm lớp học về các môn học chính do các giáo viên tuân theo Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) và không tuân theo đạo luật NCLB ở trường, tại tất cả các trường trong khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao trong khu học chánh, và tại các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp trong khu học chánh giảng dạy. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được xác định là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 75 phần trăm trở lên trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có số học sinh tham gia khoảng từ 25 phần trăm trở xuống trong các chương trình bữa ăn miễn phí và giá giảm. Quý vị có thể tìm hiểu về năng lực trình độ của các giáo viên theo yêu cầu của đạo luật NCLB trên Trang Mạng Điện Toán về việc Cải Tiến Chất Lượng Giáo Viên và Hiệu Trưởng của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy	Do Các Giáo Viên Không Tuân Theo Đạo Luật NCLB Giảng Dạy
Trường Đây	97.8	2.2
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	95.2	4.8
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	94.4	5.6
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh		

VI. Nhân Viên Trợ Giúp

Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	4.0	399
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện)	0.3	không áp dụng
Tâm Lý Gia		không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá		không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác		không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)		không áp dụng
Nhân Viên Khác	1.5	

VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phẩm chất, tình trạng lưu hành, và tình trạng có sẵn các loại sách giáo khoa phù hợp với tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường, và thông tin về việc trường sử dụng bất kỳ chương trình học thêm nào hoặc sách giáo khoa hoặc các tài liệu giảng dạy chưa được áp dụng.

TÊN BỘ MÔN VÀ SÁCH SỬ DỤNG	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIẾU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỀ SỬ DỤNG RIÊNG
ANH VĂN			
Anh ngữ 1 – “The Language of Literature Grade 9”	McDougal Littell	2002	0
Anh ngữ 2 – “The Language of Literature 4 th Course”	McDougal Littell	2002	0
Anh ngữ 3 – “Timeless Voices Timeless Themes Am. Experience”	Prentice Hall	2000	0
Anh ngữ 4 – “The Language of Literature World” World Literature	McDougal Littell	2002	0

TOÁN			
Đại số I – “Algebra 1”	McDougal Littell	2007	0
Hình học – “Geometry”	McDougal Littell	2007	0
Đại số II – “Algebra 2”	McDougal Littell	2007	0
Toán tích phân – “Precalculus With Limits”	Houghton Mifflin	2001	0
KHOA HỌC			
Khoa học kết hợp 1 – “Spectrum Physical Approach/Science/Explorations”	Holt	2001, 03, 04	0
Sinh học – “Biology: Web of Life; Holt Biology”	Holt	1998, 99, 04	0
Hóa học – “Chemistry: Connections to our Changing World”	Prentice-Hall	2000, 2002	0
ChemCom, 5 th ed.	Kendall/ Gill	2006	0
Vật lý – “Physics: Principles and Problems”	Merrill/Glencoe	1983, 95, 02	0
KHOA HỌC XÃ HỘI			
Sử thế giới – “Modern World History”	McDougal-Littell	2003	0
Sử Hoa Kỳ – “The American Vision”	Glencoe	2006	0
Chính phủ Mỹ – “Magruder’s American Government”	Prentice Hall	1997	0
Chính phủ Mỹ – “We The People”	Center for Civic Education	2002	0
TÊN BỘ MÔN	PHẨM CHẤT, MỨC ĐỘ THÌNH HÀNH, VÀ TÌNH TRẠNG SẴN CÓ CỦA CÁC SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIỂU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG	
NGOẠI NGỮ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	

KHOA HỌC Y TẾ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0
NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN & TẠO HÌNH	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0
THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA HỌC	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đúng mức	0

VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2007-08)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trợ/Giới Hạn)	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	\$8,456	\$2,612	\$5,844	\$78,755
Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	\$6,106	\$76,369
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	-4%	3%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	\$5,512	\$68,332
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	6%	13%

Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về các chương trình và dịch vụ phụ trợ được cung cấp tại trường qua các ngân quỹ trong hạng mục hoặc các nguồn trợ giúp khác.

Thu thập các số liệu về hiện trạng học sinh với ba trình độ Core (Vừa tầm), Strategic (Chú trọng), hoặc Intensive (Chú trọng Đặc biệt)

Ghi danh các học sinh thuộc diện Chú trọng (Strategic) vào các lớp Anh Ngữ 1 và Anh Ngữ Luyện Thi CAHSEE

Luyện Anh Ngữ trong chương trình Tập Đọc 180

Ghi danh các học sinh thuộc diện Chú trọng Đặc biệt (Intensive) vào lớp Anh văn LA3 với chương trình Tập Đọc 180. Các chương trình học cứu điểm Anh ngữ

Áp dụng các chương trình học kèm/học ngoài giờ (Homework Center, AVID, Luyện thi CAHSEE, MESA)

Các khoa giáo sẽ phát triển việc lượng giá chung vào cuối khóa học, bao hàm các Tiêu Chuẩn Anh ngữ có Áp dụng kỹ thuật “Scaffolding and Differentiated” của các chương trình QTEL (lựa 2-3 phương pháp khác nhau để đạt đường lối chung cho toàn trường.)

Phát triển và áp dụng chương trình giúp đỡ học sinh học tại nhà

Cung cấp các dịch vụ chi tiết giúp đỡ phụ huynh và học sinh

Các dịch vụ do Nhóm Đa Dịch Vụ thực hiện

Theo dõi khuôn viên nhà trường

Tu vấn cho từng thành phần nhỏ học sinh

Các dịch vụ giúp đỡ và luyện cho phụ huynh đọc thông viết thạo

Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về lương bổng của khu học chánh dành cho các giáo viên, hiệu trưởng, và giám đốc học khu, và so sánh với mức trung bình của tiểu bang dành cho các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Bảng này cũng trình bày về mức lương của giáo viên và nhân viên hành chánh dưới hình thức phần trăm ngân sách của khu học chánh và so sánh các con số này với mức trung bình trên toàn tiểu bang đối với các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về mức lương trên Trang Mạng Điện Toán của Lương Bổng và Quyền Lợi thuộc CDE Được Xác Nhận tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$48,434	\$42,810
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$79,527	\$69,375
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$98,141	\$89,104
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$120,314
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$122,625	\$126,901
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$238,000	\$198,563
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	37.90 %	37.30 %
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh	4.30 %	5.20 %

IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) gồm có nhiều thành phần then chốt, bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của California (CST); Đánh Giá có Bổ Sung California (CMA), và Đánh Giá Thành Tích Thay Thế (CAPA). CST cho biết học sinh thực hiện khá đến mức nào có liên quan tới nội dung của tiểu bang. CST bao gồm văn khoa Anh Ngữ (ELA) và toán lớp hai đến lớp mười một; khoa học thuộc các lớp năm, tám, và chín cho tới mười một; và khoa học lịch sử-xã hội thuộc các lớp tám, và mười tới mười một. CAPA bao gồm ELA, toán, và khoa học thuộc các lớp hai tới mười một, và khoa học thuộc các lớp năm, tám, và mười. CAPA được áp dụng cho các học sinh bị khuyết tật đáng kể về nhận thức, các khuyết tật này khiến cho các em không lấy được CST có thích nghi hoặc bổ sung hay CMA có thích nghi. CMA bao gồm ELA và toán cho các lớp từ lớp ba tới lớp tám và khoa học cho lớp năm và là một sự lượng định thay thế dựa trên các tiêu chuẩn thành đạt có bổ sung. CMA được thiết kế để đánh giá các học sinh bị khuyết tật khiến cho các em không đạt được sự thành thạo thuộc cấp độ lớp trong cuộc đánh giá theo tiêu chuẩn nội dung California có hoặc không có thích nghi. Điểm số của học sinh được báo cáo như các mức thành tích. Thông tin chi tiết về các kết quả Chương Trình STAR cho mỗi lớp và cấp độ thành tích, bao gồm số phần trăm các học sinh không thi, có thể tìm thấy trên trang mạng về Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>. Thông tin về Chương Trình STAR có thể tìm thấy trong phần hướng dẫn giải thích về Kết Quả Tóm Lược về Chương Trình STAR năm 2008 cho công chúng tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/starpkt5intrpts.pdf>. Ghi chú: Điểm số không được cho thấy khi số học sinh thi từ mười người trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ nên không chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo vì sẽ vô tình hay cố ý công bố điểm số hoặc thành tích của bất kỳ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Văn Khoa Anh Ngữ	25	31	32	43	44	47	43	46	50
Toán	14	19	23	23	23	26	40	43	46
Khoa Học	16	19	26	37	44	45	38	46	50
Lịch Sử Xã Hội Học	15	18	20	30	34	39	33	36	41

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Người Mỹ gốc Phi Châu	25	27	*	*
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*
Người Á châu	51	44	42	36
Người Phi luật tân	49	26	38	30
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	19	12	15	11
Người đảo Thái bình dương	*	*	*	*

Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	64	25	*	31
Nam	30	24	24	22
Nữ	33	22	29	19
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Khó Khăn	28	23	24	19
Những Người Học Tiếng Anh	6	14	7	2
Học Sinh Khuyết Tật	27	31	24	4
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	9	9	*	0

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (California High Trường Exit Examination - CAHSEE) chủ yếu được dùng làm yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, nhưng kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được dùng để thiết lập số phần trăm học sinh ở ba mức độ thành thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc xuất sắc) về ELA và toán để tính toán xác định chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) quy định cho các trường trung học, theo yêu cầu của Đạo Luật Quan Tâm Tới Mọi Trẻ Em (No Child Left Behind - NCLB) 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù có tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California cho Tất Cả Các Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Anh Ngữ - Văn Khoa	38.5	34.7	37.9	51.9	55.1	55.1	48.6	52.9	52.0
Toán	45.5	45.1	54.0	55.1	59.6	59.6	49.9	51.3	53.3

Kết Quả Thi Tốt Nghiệp Trung Học California của các Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Học Sinh	65.3	30.6	4.2	54.9	29.2	15.9
Nam	69.5	28.6	1.9	51.0	33.3	15.7
Nữ	60.8	32.7	6.5	59.1	24.7	16.2
Người Mỹ gốc Phi Châu	*	*	*	*	*	*
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*	*	*
Người Á châu	39.5	50.0	10.5	22.8	40.4	36.8
Người Phi luật tân	48.1	51.9	0.0	29.6	51.9	18.5
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	78.2	20.2	1.6	72.9	21.1	6.0
Người đảo Thái bình dương	*	*	*	*	*	*

Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	*	*	*	*	*	*
Hoàn cảnh tài chính khó khăn	80.8	18.8	0.4	69.3	21.8	8.8
Những Người Học Tiếng Anh	68.2	28.6	3.2	58.8	26.8	14.4
Học Sinh Khuyết Tật	93.8	6.2	0.0	81.2	18.8	0.0
Các Học Sinh Đang Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục cho Di Dân*	100.0	0.0	0.0	96.2	3.8	0.0

Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2008-09)

Kỳ Thi Thể Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thể Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
5	0.0	0.0	0.0
7	0.0	0.0	0.0
9	11.4	21.2	55.2

X. Trách Nhiệm

Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 “trường tương tự” giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2006	2007	2008
Trên Toàn Tiểu Bang	3	2	3
Các Trường Tương Tự	4	3	3

Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, và điểm API mới đây nhất. Lưu ý: "N/A" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đồng.

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế			Điểm API Tăng Trưởng
	2006-07	2007-08	2008-09	2009
Tất Cả Học Sinh trong Trường	-5	14	16	663
Người Mỹ gốc Phi Châu				
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska				
Người Á châu	-4	38	3	775
Người Phi luật tân				
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	-3	8	20	591
Người đảo Thái bình dương				
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)				
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	9	9	17	649
Những Người Học Tiếng Anh	-38	5	7	591
Học Sinh Khuyết Tật			14	487

Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật NCLB của liên bang qui định rằng tất cả các trường và khu học chánh đều phải đạt các chỉ tiêu Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
 Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
 API là công cụ chỉ báo bổ sung
 Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2008-09)

Bảng này trình bày chỉ số cho biết trường và khu học chánh đó có đạt AYP tổng quát và trường và khu học chánh đạt được từng chỉ tiêu AYP hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	No	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	Yes	No
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	Yes	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	No	No
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	No	No
API	Yes	Yes
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	Yes	Yes

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2009-10)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	In PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2009-2010	2004-2005
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	Year 1	Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	7
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	31.8

XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

University of California

Các yêu cầu để được nhận vào học tại University of California (UC) tuân theo các hướng dẫn đã được đặt ra trong Kế Hoạch Chủ Yếu, theo đó đòi hỏi học sinh tốt nghiệp trung học của tiểu bang phải ở mức hàng đầu một phần tám số học sinh cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công các bài vở qui định cho đại học, hội đủ điều kiện để được thu nhận vào UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài vở trình độ Đại Học. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>.

California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì sĩ số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đương đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>.

Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08	2005-06	2006-07	2007-08
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	6.3	5.9	5.5	7.0	5.1	5.2	3.5	4.4	3.9
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	71.4	67.0	70.9	77.0	76.1	77.6	83.4	80.6	80.2

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Học sinh tại các trường công lập California phải đạt cả hai phần ELA và toán của CAHSEE để nhận bằng trung học. Đối với các học sinh bắt đầu niên học 2008-09 ở lớp mười hai trong bảng này được trình bày theo nhóm học sinh số phần trăm những em đáp ứng mọi yêu cầu về tốt nghiệp của tiểu bang và địa phương về việc hoàn tất lớp mười hai.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2009		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Các Học Sinh	78	82	N/A
Người Mỹ gốc Phi Châu	80	80	N/A
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	N/A	71	N/A
Người Á châu	87	92	N/A
Người Phi luật tân	91	89	N/A
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	68	71	N/A
Người đảo Thái bình dương	100	89	N/A
Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	67	89	N/A
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	83	77	N/A
Những Người Học Tiếng Anh	52	48	N/A
Học Sinh Khuyết Tật	53	45	N/A

Chương Trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Mục này trình bày về các chương trình giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp (CTE) và liệt kê các chương trình được trường cung cấp.

Trường Yerba Buena giảng dạy những bộ môn giúp tất cả mọi học sinh sẵn sàng làm việc ngoài đời. Đó là những môn học kỹ thuật mà tiếng Anh gọi là Career Technical Education, gọi tắt là CTE, mà trước kia gọi là giáo dục hướng nghiệp, mà học sinh có thể học.

Các bộ môn/chương trình gồm có:

Kỹ Thuật
 Công Nghệ Xây Dựng
 Thương Mại

Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	336
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	12%
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	100%

Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2007-08)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán DataQuest của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	57.2
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	24.0

Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về sĩ số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán Computer		không áp dụng
Tiếng Anh	1	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn	1	không áp dụng
Ngoại Ngữ	1	không áp dụng
Toán	2	không áp dụng
Khoa Học		không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	1	không áp dụng
Tất cả các khóa học	6	2.9

XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Tu nghiệp là dịp cho nhân viên nhà trường phát triển đa dạng, rõ ràng và bám sát các tiêu chuẩn giáo dục mà tiểu bang đề ra cũng như duy trì được những giá trị nòng cốt của nhà trường. Mặc dù hàng năm giáo sư chỉ được 2 ngày tu nghiệp, nhà trường vẫn dành nhiều cơ hội khác để giáo sư phát triển nghề nghiệp trong suốt năm học và vào dịp hè. Trường chúng tôi có kế hoạch tu nghiệp rất chặt chẽ và chi tiết bám sát từng số liệu liên quan mật thiết với các phương pháp dạy giỏi học chăm. Không những giáo sư và nhân viên nhà trường có nhiều dịp tu nghiệp tại trường mà còn có nhiều cơ hội tu nghiệp tại học khu. Ngoài ra, nhiều giáo sư còn được tham dự các lớp tu nghiệp ở những trường đại học và đại học cộng đồng ở địa phương và dự các buổi hội thảo do Sở Giáo Dục Hạt Santa Clara tổ chức. Các buổi hướng dẫn của Chương Trình Giúp Đỡ và Lượng Giá Giáo Sư Mới rất hữu ích cho các nhà giáo dục mới vào nghề. Nhà trường đã thiết lập và áp dụng thành công khuôn mẫu tu nghiệp cho toàn thể nhân viên. Tu nghiệp toàn trường và theo từng khoa thường xuyên được tổ chức để giáo sư có dịp tiếp tục phát triển nghề nghiệp hầu đẩy mạnh mọi nỗ lực toàn trường sao cho theo đúng những tiêu chuẩn giáo trình từng môn học cam go mà tiểu bang đề ra, đồng thời cũng giúp mọi học sinh đọc thông viết thạo và học hỏi tinh tường để thành đạt.

Để bảo đảm chu kỳ liên tục cải tiến, việc tu nghiệp bám sát từng người để đáp ứng nhu cầu của tất cả giáo sư các bộ môn cũng như của các nhân viên và quản trị viên nhà trường. Sinh hoạt tu nghiệp giáo sư không chỉ phản ánh quan niệm dạy giỏi mà còn chấp chỉ nghiêm minh những tiêu chuẩn Nghề Giáo mà tiểu bang California đề ra. Giáo sư và nhân viên cùng nhau tu nghiệp đúng lãnh vực công việc của mình mà cũng theo đúng mọi cấp độ mà học khu hoạch định. Trong phạm vi nhà trường, việc tu nghiệp được sắp đặt theo mục tiêu tổng quát (ví dụ giảng dạy theo đúng các tiêu chuẩn), và theo các khía cạnh chuyên biệt của chương trình tu nghiệp (ví dụ các phương pháp giảng dạy cá biệt), mỗi mỗi đều được cá nhân hóa cho từng người đáp ứng được mọi động cơ và nhu cầu bộ môn chuyên biệt. Thí dụ như về tiếng Anh, giáo sư phải xem xét bài vở học sinh để bảo đảm học sinh ấy học và làm bài đúng phương pháp và hữu hiệu theo các tiêu chuẩn bộ môn mà tiểu bang đề ra, trong khi về giáo dục thể chất thì giáo sư lại duyệt xét các số liệu *FitnessGram (Biểu Đồ Thể Lực)* để theo đó mà tập luyện học sinh với kết quả đúng mức. Học khu cũng dành nhiều cơ hội tu nghiệp khác nhau để mở rộng kiến thức giáo sư, trau dồi kỹ năng điều khiển lớp học, và nâng cao tay nghề giảng dạy bằng những phương pháp tối hảo.

XIII. Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia

Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (National Assessment of Educational Progress - NAEP) là một cuộc đánh giá tiêu biểu trên toàn quốc về những điều mà các học sinh tại Hoa Kỳ biết và có thể làm được trong các lãnh vực khác nhau. Các đánh giá được tiến hành định kỳ về toán, đọc, khoa học, viết, nghệ thuật, công dân, kinh tế, địa lý, và lịch sử Hoa Kỳ. Điểm số của học sinh về đọc và toán được báo cáo theo các cấp độ về thành tích (thí dụ, cơ bản, thành thạo, và cấp cao) và sự tham gia của các học sinh bị khuyết tật (SD) và những người học Tiếng Anh (ELL) được báo cáo dựa trên ba cấp độ (được nhận ra, loại trừ, và đánh giá). Thông tin chi tiết về các kết quả NAEP cho mỗi lớp, cấp độ thành tích, và mức tham gia có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia tại <http://nces.ed.gov/nationsreportcard/>.

Ghi chú: Chỉ có một nhóm làm mẫu các trường và khu học chánh của California tham gia trong chu kỳ thi NAEP. Do đó, học sinh tại bất cứ trường học hoặc khu học chánh cụ thể nào có thể không được kể vào trong các kết quả này. NAEP phản ảnh kết quả kỳ thi của tiểu bang và không phản ảnh hoặc LEA hoặc trường sở riêng lẻ nào. Sự so sánh thành tích của học sinh trên NAEP và thành tích của học sinh trong các đánh giá của Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn (STAR) không thể thực hiện nếu không hiểu rõ sự khác biệt chính yếu giữa hai chương trình đánh giá. Thí dụ, NAEP chỉ đánh giá các lớp bốn, tám và mười hai và cho các xu hướng lâu dài đánh giá các lớp chín, mười ba, và mười bảy. Ngoài ra, NAEP chỉ có cung cấp kết quả thi của tiểu bang cho các lớp bốn và tám. Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Tests - CSTs) được dựa

trên bộ tiêu chuẩn khác không phải các đánh giá của NAEP. Thí dụ, NAEP không song song với các tiêu chuẩn về nội dung và thành đạt học vấn California và, do đó, không nhất thiết phản ảnh học trình và sự giảng dạy mà học sinh phải theo trong lớp học. NAEP đánh giá tập đọc và viết riêng biệt, trong khi CST đánh giá văn khoa Anh Ngữ (ELA), bao gồm tập đọc cũng như các quy ước về viết, chính tả, và văn phạm. Điểm số trên CST, và các đánh giá khác không thể so sánh trực tiếp với các điểm số trên NAEP. Số trung bình và số phần trăm được trình bày là các ước lượng dựa trên các mẫu học sinh hơn là toàn bộ những người khác. Sau cùng, các câu hỏi mà học sinh trả lời chỉ là một mẫu kiến thức và kỹ năng được nêu trong khuôn khổ của NAEP. Thông tin về các khác biệt giữa NAEP và CST có thể tìm trên trang mạng Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia (NAEP) của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/nr/>.

Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày các điểm theo thang đo và các mức thành tích trong Các Kết Quả Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Điểm Trung Bình Theo Thang Đo		Số Phần Trăm về Mức Thành Đạt		
	Tiểu Bang	Quốc Gia	Cơ Bản	Thành Thạo	Cấp Cao
Tập Đọc 2007, Lớp 4	209	220	30	18	5
Tập Đọc 2007, Lớp 8	251	261	41	20	2
Toán 2009, Lớp 4	232	239	41	25	5
Toán 2009, Lớp 8	270	282	36	18	5

Các Kết Quả về Đọc và Toán qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia cho Các Học Sinh Bị Khuyết Tật và/hoặc Những Người Học Tiếng Anh theo Trình Độ Lớp – Tất Cả Học Sinh

Bảng này trình bày mức tham gia của tiểu bang và quốc gia qua Đánh Giá Sự Tiến Bộ Giáo Dục Quốc Gia về đọc (2007) và toán (2009) cho các học sinh bị khuyết tật và/hoặc những người học Tiếng Anh lớp bốn và tám.

Bộ Môn và Trình Độ Lớp	Mức Tham Gia của Tiểu Bang		Mức Tham Gia của Quốc Gia	
	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh	Học Sinh Bị Khuyết Tật	Những Người Học Tiếng Anh
Tập Đọc 2007, Lớp 4	74	93	65	80
Tập Đọc 2007, Lớp 8	78	92	66	77
Toán 2009, Lớp 4	79	96	84	94
Toán 2009, Lớp 8	85	96	78	92